TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-01-2018
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Sơn Trường.
2. Ông Nguyễn Thành Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 237/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2017/QĐXX-ST ngày 29 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Bích L - Sinh năm 1966 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H - Sinh năm 1969 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2017, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích L trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Nguyễn Văn H cưới nhau tháng 6/1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (Đức Huệ - Long An) ngày 17/9/1996. Sống chung hạnh phúc đến tháng 4/2010 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H không có trách nhiệm với gia đình, không chịu làm ăn chân chính, thường xuyên nhậu và say sỉn về kiếm chuyện chửi mắng bà. Ngoài ra, ông H còn có nhiều mối quan hệ bất chính với phụ nữ khác. Bà và ông H ly thân từ tháng 10/2013 cho đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Bích L, sinh ngày 16/9/1990, Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 23/8/1995 và Nguyễn Tấn Y, sinh ngày 04/11/1996. Khi ly hôn vì các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/12/2017, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày và yêu cầu:

Ông thống nhất trình bày của bà L về ngày tháng và điều kiện kết hôn, thời gian xảy ra mâu thuẫn, thời gian ly thân, con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do ông có đi chơi, bà L ghen tuông vô cớ và bỏ nhà đi.

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L. Vì ông còn thương vợ.

Về tài sản chung: ông và bà L có tài sản chung là diện tích đất 12.000m^2, ông yêu cầu Hội đồng xét xử chia cho vợ chồng ông.

Về nợ chung: nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Đức Huệ 40.000.000 đồng. Khi ly hôn ông yêu cầu chia hai.

Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Huỳnh Thị Bích L khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bà Huỳnh Thị Bích L và ông Nguyễn Văn H chung sống có đăng ký kết hôn ngày 17/9/1996 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh Đông (Đức Huệ - Long An). Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và năm 2014.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà L và yêu cầu đoàn tụ của ông H, Hội đồng xét xử nhận định: Bà L và ông H đều không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của ông bà là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, xét lời trình bày của bà L cho rằng ông H không lo làm ăn, thường xuyên nhậu và khi về nhà còn kiếm chuyện chửi bà, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Lời trình bày của bà L không được ông H thừa nhận toàn bộ, tuy nhiên ông H thừa nhận là ông đi chơi,

nên bà L ghen tuông và bỏ nhà đi, ông thống nhất thời gian xảy ra mâu thuẫn, thời gian ly thân. Xét thấy, từ năm 2010 giữa ông H và bà L đã xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Ông H không đồng ý ly hôn nhưng lại không đưa ra biện pháp hữu hiệu nào để hai vợ chồng đoàn tụ, hiện tại vẫn sống ly thân. Vì vậy, mâu thuẫn giữa bà L và ông H đã T trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận; Yêu cầu đoàn tụ của ông H là không có căn cứ nên bác.

[4] Về con chung: 03 con chung tên Nguyễn Thị Bích L, sinh ngày 16/9/1990, Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 23/8/1995 và Nguyễn Tấn Y, sinh ngày 04/11/1996, đã thành niên không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L trình bày không có. Ông H trình bày có tài sản chung là 12.000m^2 đất và nợ 40.000.000 đồng yêu cầu chia, nhưng tại phiên hòa giải ông H cho rằng không có tài sản chung và nợ chung, không làm thủ tục khởi kiện (phản tố) yêu cầu chia tài sản chung. Về nợ ông H vay bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất do ông đứng tên, hiện tại bà L cũng không yêu cầu chia tài sản chung, nên không có căn cứ xem xét yêu cầu của ông H. Sau này nếu có phát sinh tranh chấp thì tách ra giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà L đã nộp đủ án phí. Ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Bích L được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về nuôi con chung: 03 con chung tên Nguyễn Thị Bích L, sinh ngày 16/9/1990, Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 23/8/1995 và Nguyễn Tấn Y, sinh ngày 04/11/1996, đã thành niên không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0008142 ngày 12/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Bà L đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/01/2018).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã B, huyện C (để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Trần Thị Gái